

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày: 21 - 01 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chất

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Anh - Chức vụ: Bí thư Đoàn phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Ông La Văn Hợp - Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 122/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/HSST-QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 29/TB-TA ngày 29/12/2021 và Thông báo về thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 18/01/2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị Ngọc M, sinh năm 1994 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968, bị cáo có chồng là Đào Thanh T, sinh năm 1990 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2021 cho đến ngày 13/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị cáo được tại ngoại.

2. Trần Văn P (tên gọi khác: S), sinh năm 1997 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt

Nam. Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01: Ngày 01/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (tại Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 01-7-2020);

Tiền sự 02: Ngày 09/02/2015, bị Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự số 74/QĐXP với số tiền 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) về hành vi đánh nhau.

Ngày 09/02/2015, bị Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự số 75/QĐXP với số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

3. Phạm Đình Đ, sinh ngày 18/02/2004 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Đình T (T), sinh năm 1972 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1982, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

4. Phan Quốc H, sinh năm 1993 tại Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố A, thị trấn C, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Quốc T, sinh năm 1969 và bà Thái Thị Ngọc H, sinh năm 1971, bị cáo có vợ là Lê Phạm Thanh Đ, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

5. Cao Minh T, sinh năm 1991 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Lô 10, MB QH, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Cao Minh T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1973, bị cáo có vợ là chị Lê Thùy A, sinh năm 1995 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

6. Nguyễn Văn D, sinh năm 1994 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn N, xã C, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Thiên chúa giáo, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, bị cáo có vợ là chị Phạm Thị Diệu L, sinh năm 1995 và 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

7. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1989 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố A, thị trấn T, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1959 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962, bị cáo có vợ là chị Trần Thị H, sinh năm 1991 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

8. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1985 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 01, thị trấn T, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958 và bà Trần Thị L, sinh năm 1954, bị cáo có vợ là chị Bùi Thị N, sinh năm 1988 (đã ly hôn), bị cáo có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

9. Nguyễn Thị N (tên gọi khác: N), sinh năm 2001 tại Đắc Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ A, thị trấn K, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông; chỗ ở hiện nay khu phố S, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Như T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, bị cáo có chồng là anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2021 cho đến ngày 19/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo được tại ngoại.

10. Ma Thị N (tên gọi khác: Ngọc L, M Thị Ngọc L), sinh ngày 31/8/2004 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố S, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ma Văn T, sinh năm 1983 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1985, bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2021 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đình Đ* (Bị cáo là người chưa thành niên): Bà Ngô Thị N, sinh năm 1982; cư trú tại địa chỉ thôn A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột của bị cáo Phạm Đình Đ) “có mặt”.

**Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Ma Thị N* (Bị cáo là người chưa thành niên): Ông Ma Văn T, sinh năm 1983 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1985; nơi cư trú thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cha ruột và mẹ ruột của bị cáo Ma Thị N) “ông T vắng mặt, bà S có mặt”.

**Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình Đ và bị cáo Ma Thị N* (Bị cáo là người chưa thành niên):

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước “có mặt”.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Hữu C:*

Ông Vương Quốc Q, sinh năm 1972 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quốc Vương - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

**Người bào chữa cho bị cáo Phan Quốc H:*

Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1980- Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Chí Thành, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Trần Ngọc T, sinh năm 2000; cư trú tại địa chỉ thôn A, xã N, huyện Đăk R’láp, tỉnh Đăk Nông “vắng mặt”;

**Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Ngọc A (tên gọi khác: A), sinh năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

2. Bà Kiều Nguyệt N, sinh ngày 13/10/2003; cư trú tại địa chỉ ấp C, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

3. Bà Châu Thị Tú L, sinh ngày 04/7/2003; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay khu phố S, phường T thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

4. Bà Lục Thị Thanh H, sinh năm 1967; nơi cư trú thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

**Người chứng kiến:*

Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1988; nơi cư trú ấp 01, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân là người sử dụng ma túy nên vào khoảng tháng 01/2021, Hoàng Thị Ngọc M là chủ kinh doanh nhà nghỉ “T T” thuộc ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nhận thấy việc cho khách đến thuê phòng tại nhà nghỉ để sử dụng ma túy có lợi nhuận cao nên tiến hành sửa chữa các phòng nghỉ để phục vụ việc tổ chức cho khách đến sử dụng ma túy (bay lắc) bằng việc trang bị phòng cách âm, lắp loa nghe nhạc công suất cao, lắp đèn laser. Cũng trong tháng 01/2021, M tuyển Trần Văn P về làm quản lý của nhà nghỉ và đến tháng 02/2021 tiếp tục tuyển Phạm Đình Đ về làm nhân viên của nhà nghỉ với mục đích giúp M thực hiện việc cho khách đến thuê

phòng sử dụng ma túy (bay lắc) tại nhà nghỉ. M đã trực tiếp phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc cho P và Đ cách thức làm việc như sau: Khi có khách đến sử dụng ma túy thì sắp xếp phòng cho khách, chuẩn bị gói “Combo” của nhà nghỉ gồm nước uống, khăn giấy, đĩa sứ, thẻ nhựa là các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy vào phòng cho khách, đồng thời thông báo giá thuê phòng để sử dụng ma túy từ tối hôm trước đến sáng hôm sau là từ 2.500.000 đồng đến 3.500.000 đồng một phòng, sau khi khách trả phòng thì thu tiền đưa lại cho M, M sẽ trả tiền công theo lương tháng cho P là 6.000.000 đồng và Đ là 5.000.000 đồng thì P và Đ đồng ý làm việc cho M. Đến khoảng đầu tháng 05/2021 sau khi đã chuẩn bị xong thì M cùng P và Đ bắt đầu thực hiện hành vi tổ chức cho khách đến thuê phòng sử dụng ma túy tại nhà nghỉ T T.

Đầu tháng 05/2021 Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Mạnh H đến thuê phòng số 105 nhà nghỉ “H A” thuộc khu phố T, thị trấn T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để ở cùng với nhau. Đến khoảng 23 giờ ngày 09/05/2021 sau khi cùng nhau đi ăn nhậu và về lại phòng 105 nhà nghỉ “H A” thì H nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên đã rủ T, C, D và H cùng nhau đi thuê phòng để sử dụng ma túy (bay lắc) thì tất cả đồng ý. H, T, C, D và H thống nhất H sẽ bỏ tiền ra trước để T đặt phòng sử dụng ma túy, đặt mua ma túy và tìm kiếm 05 người nhân viên nữ điu bay đến cùng sử dụng ma túy, thỏa thuận với nhau khi sử dụng ma túy xong hết tất cả bao nhiêu tiền thì H, T, C, D và H sẽ chia đều rồi cùng góp lại trả cho H. Sau khi đã bàn bạc thống nhất xong T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị N để nhờ N đặt phòng bay, đặt mua 05 viên ma túy thuốc lắc và “nửa hộp năm” ma túy tổng hợp dạng khay, đồng thời tìm kiếm 05 người nhân viên nữ (diu bay) đến cùng sử dụng ma túy thì N đồng ý. Lúc này, N gọi điện thoại cho một người thanh niên tên Đ (không rõ nhân thân lai lịch) ở khu vực phường T, thành phố Đồng Xoài để nhờ Đức đặt phòng bay giùm thì Đức đồng ý và gọi điện thoại cho Ma Thị N, lúc này đang ngồi chơi cùng với Trần Văn P tại nhà nghỉ “T T” nhờ đặt giùm 01 phòng bay cho 05 người khách đến sử dụng ma túy. N nói với P về việc có người đặt phòng cho 05 người khách bay lắc thì P đồng ý và gọi điện thoại thông báo lại cho M (đang ở trong phòng 111 cùng với Đ). M kêu P cùng Đ sắp xếp phòng cho khách còn N thông báo cho Đ đã đặt được phòng và đi về phòng trọ. Lúc này, Đ gọi điện thông báo cho N biết đã đặt phòng bay giúp cho N ở nhà nghỉ “T T” thuộc ấp 01, xã T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Nga tiếp tục gọi điện thoại cho một người phụ nữ tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực phường T thành phố Đồng Xoài hỏi mua 05 viên ma túy thuốc lắc và “nửa hộp năm” ma túy khay, hẹn giao nhận tại nhà nghỉ “T T” thì L đồng ý bán với giá 4.700.000 đồng. N gọi điện thoại thông báo cho T biết là đã đặt phòng bay tại nhà nghỉ “T T”, giá thuê phòng T tự trao đổi với quản lý của nhà nghỉ, đối với số ma túy mà T đặt mua có giá 5.300.000 đồng (N hưởng lợi 600.000 đồng), còn giá thuê nhân viên nữ điu bay mỗi người 1.000.000 đồng thì T đồng ý. Sau khi thỏa thuận với T xong, N gọi điện thoại cho Trần Thị Ngọc A, Ma Thị Nt, Kiều Nguyệt N và Châu Thị Tú L rủ những người này đến nhà nghỉ “T T” để điu bay cho nhóm của T (cùng sử dụng ma túy với khách để hưởng tiền công) thì tất cả đều đồng ý. Lúc này, T thông báo lại cho H, C, D và H biết việc đã đặt được phòng, mua được ma túy và có nhân viên nữ cùng đến sử dụng ma túy chung thì tất cả đồng ý và cùng nhau đón xe taxi đi đến nhà nghỉ “T T” mục đích cùng nhau sử dụng ma túy.

Do đã đặt phòng bay từ trước nên khi đến nơi T, H, C, D và H được Phạm Đình Đ ra mở cửa cổng và sắp xếp dẫn vào phòng 107 của nhà nghỉ, còn P mang gói “combo” để sử dụng ma túy gồm: Nước uống, khăn lạnh, đĩa sứ, thẻ nhựa là dụng cụ sử dụng ma túy vào trong phòng để phục vụ việc bay lắc, đồng thời P nói cho T biết giá thuê phòng bay từ tối ngày hôm trước đến sáng ngày hôm sau là 2.500.000 đồng thì T đồng ý. Lúc này T, H, C, D và H đang ngồi trong phòng 107 chờ N mang ma túy đến để cùng sử dụng thì có Trần Thị Ngọc A là nhân viên nữ điều bay đến ngồi cùng với nhóm của T. Khoảng 15 phút sau thì N đến và nói cho T biết lát nữa sẽ có người mang số ma túy mà T đặt đến giao thì T đồng ý nên cả nhóm tiếp tục chờ. Khoảng 05 phút sau có một người thanh niên (không nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại cho N để giao ma túy nên N đi ra trước cổng nhà nghỉ gặp và đưa cho người thanh niên trên số tiền 4.700.000 đồng là tiền mua ma túy và nhận 01 bọc nylon miệng kéo dính, bên trong chứa 05 viên ma túy thuốc lắc và 01 bọc nylon miệng kéo dính, bên trong chứa ma túy khay. Sau khi mua được ma túy, N đi vào lại trong phòng 107 đưa toàn bộ số ma túy trên cho T, do có thỏa thuận từ trước nên H đưa cho T số tiền 5.300.000 đồng để T đưa trả cho N.

Sau khi mua được ma túy thì H, T, C, D và H rủ N và Ngọc A cùng sử dụng ma túy, đồng thời T lấy bọc nylon chứa ma túy khay đưa cho N kêu bỏ ra cho mọi người cùng sử dụng thì N đồng ý và dùng thẻ nhựa nghiền mịn số ma túy khay trong đĩa, sau đó dùng quẹt ga đốt nóng và D dùng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng của mình quấn tròn lại thành ống hút để cho mọi người có mặt trong phòng cùng nhau sử dụng. Đối với 05 viên ma túy thuốc lắc thì H, T, C, D và H cùng nhau bẻ đôi viên ma túy ra sau đó cùng với N và Ngọc A mỗi người sử dụng một nửa viên và tiếp tục cùng nhau sử dụng ma túy khay mà N vừa bỏ ra đĩa sứ. Khoảng 30 phút sau có thêm Ma Thị N, Kiều Nguyệt N, Châu Thị Tú L là nhân viên nữ điều bay đến nên H, T, C, D và H rủ những người này sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý. Trong lúc đang sử dụng ma túy thì N lấy số ma túy thuốc lắc còn lại dằm nhỏ ra bỏ vào trong bọc nylon để trên đĩa sứ cho mọi người trong phòng tiếp tục sử dụng. Sau đó N gọi điện thoại cho bạn của N là Phan Trần Ngọc T đến trước cổng nhà nghỉ “T T” để đưa số tiền 5.300.000 đồng là tiền mà N vừa bán được ma túy cho Cao Minh T để trả nợ số tiền 5.500.000 đồng trước đó N mượn của Phan Trần Ngọc T, rồi N quay lại phòng 107 để sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/05/2021 khi Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị N, Ma Thị N, Trần Thị Ngọc A, Kiều Nguyệt N và Châu Thị Tú L đang cùng nhau sử dụng ma túy thì lực lượng Công an đến kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra lực lượng Công an phát hiện trên đĩa sứ trong phòng có chất bột màu trắng và 01 bọc nylon miệng kéo dính, kích thước (4,0 x 5,0)cm, bên trong chứa chất màu xanh. Tại đây H, T, C, D, H khai nhận chất bột màu trắng nói trên là ma túy tổng hợp dạng khay, còn chất màu xanh nói trên là ma túy tổng hợp dạng thuốc lắc của mình, N cũng thừa nhận việc vừa bán số ma túy trên cho T với số tiền 5.300.000 đồng để kiếm lời và việc gọi điện thoại cho Ma Thị N, Trần Thị Ngọc A, Kiều Nguyệt N và Châu Thị Tú L đến cùng sử dụng ma túy với nhóm của T. Đồng thời N cũng thừa nhận việc đặt phòng 107 nhà nghỉ “T T” để cho mọi người đến cùng sử dụng ma túy nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 146/2021/GĐ-MT ngày 17/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước giám định loại, khối lượng chất thu giữ khi bắt quả tang, kết quả xác định:

- Chất bột màu trắng (ký hiệu M1) có trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại **Ketamine**; có khối lượng là 0,3681 gam (không phẩy ba sau tám một gam).

- Chất bột màu xanh (ký hiệu M2) có trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại **MDMA**; có khối lượng là 0,1008 gam (không phẩy một không không tám gam).

MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 27, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ. (bút lục 135).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã thu giữ 01 đèn chiếu laser màu đen, 01 đèn xoay chiếu sáng màu đen trắng, 01 loa nghe nhạc hiệu harman/kardon màu đen, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa, 01 hộp quẹt ga màu xanh, 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng được quấn tròn, bên ngoài được quấn 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 bọc nylon miệng kéo dính kích thước 6,0 x 5,0 cm (bên trong không có gì); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh rêu, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh rêu, 01 điện thoại di động Iphone màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ đen, 03 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng. 01 bì thư ký hiệu vụ số 146/2021/GĐ-MT ngày 12/5/2021 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai

Tại bản Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 01/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H và Ma Thị N về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Nga về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án tù từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N mức án tù 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung từ 07 năm đến 08 năm tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn P mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 01-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ngọc M mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Quốc H mức án tù 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Minh T mức án tù 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D mức án tù 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C mức án tù 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H mức án tù 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình Đ mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Thị N mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 đèn chiếu laser màu đen đã cũ, không lên nguồn; 01 đèn xoay chiều sáng đã cũ, không lên nguồn; 01 loa nghe nhạc đã cũ, không lên

nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ đen đã cũ, không lên nguồn; 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ, không lên nguồn.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư đựng mẫu vật ký hiệu vụ số 146/2021/GĐMT ngày 12/5/2021 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 bọc ny lon miệng kéo dính; 01 đĩa sứ màu trắng đã cũ; 01 thẻ nhựa đã cũ; 01 hộp quẹt ga màu xanh; 03 vỏ đầu lọc thuốc lá.

Trả lại cho bị cáo Phan Quốc H 01 điện thoại Samsung đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại Iphone màu xanh rêu đã cũ, không lên nguồn và 01 điện thoại Iphone màu đen đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 điện thoại Oppo đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Phạm Đình Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình Đ và bị cáo Ma Thị N: Bà Hoàng Thị H có ý kiến thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, tuy nhiên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, khi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên để xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Hữu C: Ông Vương Quốc Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H và C như phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo C gia đình có công với cách mạng, bị cáo còn con nhỏ; bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động xa gia đình để xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Quốc H: Ông Nguyễn Quốc T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt các bị cáo H như bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn con nhỏ để xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H, Ma Thị N và Nguyễn Thị N tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 01/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, P. phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn thu lợi bất chính bằng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên khoảng tháng 01/2021 Hoàng Thị Ngọc M đã lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng tại các phòng của nhà nghỉ “T T” thuộc ấp A, xã T, thành phố Đồng Xoài, đồng thời thuê Trần Văn P và Phạm Đình Đ làm quản lý và nhân viên phục vụ cho khách có nhu cầu sử dụng ma túy với các gói dịch vụ. Đến khoảng 23 giờ ngày 09/5/2021 khi được Nguyễn Thị N và người thanh niên tên Đ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) liên hệ đặt phòng cho Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Mạnh H thì Ma Thị N, Trần Văn P và M đã chuẩn bị phòng 107 cho cả nhóm đến thuê, khi được T liên hệ mua ma túy và hỏi nhân viên phục vụ thì Nguyễn Thị N đã gọi cho người thanh niên tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 5 hộp ma túy đồng thời gọi Trần Thị Ngọc A, Kiều Nguyệt N, Châu Thị Tú L, Ma Thị N cùng đến sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 10/5/2021 thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính lập biên bản bắt giữ người và tang vật.

[3] Tại bản kết luận giám định số 146/2021/GĐ-MT ngày 17/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước giám định loại, khối lượng chất thu giữ khi bắt quả tang, kết quả xác định:

- Chất bột màu trắng (ký hiệu M1) có trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại **Ketamine**; có khối lượng là 0,3681 gam (không phải ba sau tám một gam).

- Chất bột màu xanh (ký hiệu M2) có trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại **MDMA**; có khối lượng là 0,1008 gam (không phải một không không tám gam).

[4] Căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H và Ma Thị N thực hiện đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự

[5] Mặc dù các bị cáo Phạm Đình Đ và Ma Thị N khi phạm tội là người chưa thành niên, tuy nhiên cũng như các bị cáo khác các bị cáo hoàn toàn nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân và thu lợi từ việc cho thuê địa điểm sử dụng ma túy mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích vị trí, vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Đối với bị cáo Hoàng Thị Ngọc M bị cáo là người khởi xướng, rủ rê và chuẩn bị địa điểm cho các bị cáo khác thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N bị cáo là người thực hành giúp T thuê địa điểm sử dụng ma túy, rủ rê Ma Thị N, Châu Thị Tú L, Kiều Nguyệt N và Trần Thị Ngọc A thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy, ngoài ra bị cáo còn trực tiếp liên hệ người thanh niên tên L để mua ma túy với khối lượng là 0,3681 gam (không phải ba sau tám một gam) Ketamine và 0,1008 gam MDMA (không phải một không không tám gam) và bán lại cho nhóm của Tú để kiếm lời.

Đối với bị cáo Trần Văn P khi được bị cáo Hoàng Thị Ngọc M thuê quản lý Nhà nghỉ và hướng dẫn khách có nhu cầu sử dụng ma túy bị cáo đã đồng ý. Bị cáo có tiền sự 02: Ngày 09/02/2015, bị Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 09/02/2015, bị Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự. Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 01/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án, chưa chấp hành xong thời gian thử thách lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và tổng hợp hình phạt với bản án này.

Đối với bị cáo Phan Quốc H bị cáo là người rủ rê, khởi xướng việc thuê địa điểm để cả nhóm sử dụng ma túy và cùng Cao Minh T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Mạnh H góp tiền mua ma túy.

Đối với bị cáo Cao Minh T khi được H rủ thì bị cáo đồng ý, ngoài việc liên hệ N để liên hệ địa điểm sử dụng ma túy bị cáo đã cùng các bị cáo khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Mạnh H khi được Phan Quốc H rủ tham gia sử dụng trái phép chất ma túy các bị cáo đã đồng ý và cùng H góp tiền để tham gia sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Ma Thị N khi biết nhóm H có nhu cầu sử dụng ma túy bị cáo là người liên hệ việc thuê địa điểm đồng thời trực tiếp tham gia sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với bị cáo Phạm Đình Đ khi được thuê làm nhân viên quán, biết việc phục vụ cho khách có nhu cầu sử dụng chất ma túy bị cáo đã đồng ý và thực hiện việc chuẩn bị vật dụng để các bị cáo khác sử dụng.

[7] Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như trong quá trình điều tra và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Thị N và Ma Thị N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu. Các bị cáo Ma Thị N và Phan Đình Đ khi phạm tội là người chưa thành niên; bị cáo Hoàng Thị Ngọc M khi phạm tội là phụ nữ có thai, bị cáo Nga hiện đang có thai; các bị cáo H, D, Cường, M, T và N con còn nhỏ. Các bị cáo M, T, D và C gia đình có công với cách mạng. Vì vậy cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[8] Đối với Phan Trần Ngọc T nhận số tiền từ bị cáo Nguyễn Thị N, quá trình điều tra xác định đây là số tiền vay mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trần Thị Ngọc A, Châu Thị Tú L, Kiều Nguyệt N là người được Nguyễn Thị Nga rủ đến để cùng với H, T, C, D và H bỏ ma túy ra cho cùng sử dụng vào ngày 10/05/2021. Quá trình điều tra xác định việc A, N, Linh sử dụng ma túy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 01 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người phụ nữ tên L và người thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bán ma túy cho N vào ngày 09/5/2021, quá trình trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Xoài cần tiếp tục xác minh làm rõ xử lý để xử lý theo quy định.

Đối với người thanh niên tên Đức là người đặt phòng giúp cho Nguyễn Thị N tại nhà nghỉ “T T”. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Công an thành phố Đồng Xoài cần tiếp tục xác minh làm rõ xử lý để xử lý theo quy định.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 đèn chiếu laser màu đen đã cũ, không lên nguồn; 01 đèn xoay chiếu sáng đã cũ, không lên nguồn; 01 loa nghe nhạc đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ đen đã cũ, không lên nguồn; 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ, không lên nguồn là các công cụ P tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bì thư đựng mẫu vật ký hiệu vụ số 146/2021/GĐMT ngày 12/5/2021 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 bọc ny lon miệng kéo dính; 01 đĩa sứ màu trắng đã cũ; 01 thẻ nhựa đã cũ; 01 hộp quẹt ga màu xanh; 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Cần trả lại cho bị cáo Phan Quốc H 01 điện thoại Samsung đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại Iphone màu xanh rêu đã cũ, không lên nguồn và 01 điện thoại Iphone màu đen đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 điện thoại Oppo đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Phạm Đình Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn, do đây là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Cần buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 600.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình Đ; bị cáo Ma Thị N; bị cáo Nguyễn Mạnh H; bị cáo Nguyễn Hữu Cường và bị cáo Phan Quốc H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí:

Các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H, Ma Thị N và Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc H, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H và Ma Thị N phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

2. Về hình phạt:

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N **05 (Năm)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nga **02 (Hai)** năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung là **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2021 cho đến ngày 19/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn P **07 (Bảy)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 01-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **07 (Bảy)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ngọc M **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, bị cáo được khấu trừ tạm giữ từ ngày 10/5/2021 cho đến ngày 13/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Quốc H **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Minh T **05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình Đ **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Thị N **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/5/2021.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng; 01 đèn chiếu laser màu đen đã cũ, không lên nguồn; 01 đèn xoay chiếu sáng đã cũ, không lên nguồn; 01 loa nghe nhạc đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ đen đã cũ, không lên nguồn; 02 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng đã cũ, không lên nguồn.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư đựng mẫu vật ký hiệu vụ số 146/2021/GĐMT ngày 12/5/2021 đựng ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, đóng dấu giáp lai; 01 bọc ny lon miệng kéo dính; 01 đĩa sứ màu trắng đã cũ; 01 thẻ nhựa đã cũ; 01 hộp quẹt ga màu xanh; 03 vỏ đầu lọc thuốc lá.

Trả lại cho bị cáo Phan Quốc H 01 điện thoại Samsung đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại Iphone màu xanh rêu đã cũ, không lên nguồn và 01 điện thoại Iphone màu đen đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 điện thoại Oppo đã cũ, không lên nguồn; trả lại cho bị cáo Phạm Đình Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold đã cũ, không lên nguồn.

(Số vật chứng trên đã được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001905, Quyển số 0039 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 600.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Thị Ngọc M, Trần Văn P, Phạm Đình Đ, Phan Quốc Huy, Cao Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Mạnh H, Ma Thị N và Nguyễn

Thị N mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đình Đ, Ma Thị N và người bào chữa cho bị cáo Phạm Đình Đ, Ma Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đồng Xoài;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đồng Xoài;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Chát